

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 701/2026/DS-PT

Ngày: 21-5-2026

V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Dương Thúy Hằng.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thư Thảo, *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuỳ Dung, *Kiểm sát viên.*

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2026/DS-PT ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 216/2025/DS-ST, ngày 09-9-2025, của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2026/QĐ-PT, ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1982; cư trú tại: Số A, tổ A, đường T, khu phố B, Phường A, thành phố T, (nay là khu phố B, phường T), tỉnh Tây Ninh. Có đơn xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1985; cư trú tại: Số C, tổ E, đường T, khu phố N, phường N, thành phố T, (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông C: Chị Đặng Thị Xuân T, sinh năm 2002; địa chỉ: Số D, hẻm F đường Đ, phường N, tỉnh tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 09/3/2026)

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Lê Thị Ngọc M trình bày: Bà có hỏi vay tiền của ông Nguyễn Hữu C để cho bà Hoàng Thị Thúy N mượn. Theo yêu cầu của ông C, ngày 07/02/2023 bà ký Hợp đồng ủy quyền cho ông C toàn bộ quyền của người sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 5.050,8 m² do bà được cấp giấy ngày 19/6/2018 và ông C cho bà vay 500.000.000 đồng, với thời hạn 01 tháng sẽ trả lại, đồng thời bà N hứa sẽ đóng tiền lãi cho người cho ông C.

Ngay sau khi bà M ký ủy quyền cho ông C, ông C đã giao cho bà N 500 triệu đồng với lãi suất 5%/tháng. Nhưng ông C đã căn trừ lãi tháng đầu tiên (từ 07/02/2023 đến 07/3/2023) là 25 triệu nên số tiền thực nhận là 475 triệu đồng.

Quá hạn 01 tháng bà N không trả nợ cho ông C, ông C đe dọa sẽ căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền và sẽ chuyển nhượng phần đất của bà M cho người khác. Bà M đã liên tục yêu cầu bà N trả tiền cho ông C để ông C hủy Hợp đồng ủy quyền và trả lại giấy đất cho bà M. Tuy nhiên, bà N không thực hiện. Vì sợ mất đất nên bà M đã phải thương lượng với ông C, theo đó bà M phải đi vay tiền đóng lãi thay cho bà N đồng thời tìm nguồn tiền để chuộc giấy đất. Tổng số tiền bà M đã trả cho ông C đến ngày 30/11/2023 như sau:

Ngày 14/3/2023 chuyển khoản tiền lãi tháng 3 cho Nguyễn Hữu C số tiền 25.000.000 đồng; Ngày 07/4/2023 chuyển khoản tiền lãi tháng 4 cho Nguyễn Hữu C số tiền 25.000.000 đồng, ngày 08/5/2023 chuyển khoản tiền lãi tháng 5 cho Nguyễn Hữu C số tiền 25.000.000 đồng, ngày 09/6/2023 chuyển khoản tiền lãi tháng 6 cho Nguyễn Hữu C số tiền 25.000.000 đồng, ngày 07/7/2023 chuyển tiền vay thế chấp giấy đất tháng 7/2023 cho Nguyễn Hữu C 25.000.000 đồng, ngày 08/8/2023 chuyển tiền vay thế chấp giấy đất tháng 8/2023 cho Nguyễn Hữu C số tiền 10.500.000 đồng, ngày 09/8/2023 chuyển tiền vay thế chấp giấy đất tháng 8/2023 cho Nguyễn Hữu C số tiền 2.000.000 đồng, ngày 28/8/2023 chuyển tiền vay thế chấp giấy đất tháng 8/2023 cho Nguyễn Hữu C số tiền 10.000.000 đồng, ngày 13/9/2023 chuyển tiền vay thế chấp giấy đất tháng 9/2023 cho Nguyễn Hữu C số tiền 15.000.000 đồng, ngày 14/10/2023 chuyển tiền vay thế chấp giấy đất tháng 9/2023 cho Nguyễn Hữu C số tiền 7.000.000 đồng, ngày 15/10/2023 chuyển tiền vay thế chấp giấy đất tháng 9/2023 cho Nguyễn Hữu C số tiền 5.500.000 đồng, ngày 30/11/2023 chuyển tiền hủy hợp đồng số 606 cho Nguyễn Hữu C số tiền 315.000.000 đồng, ngày 30/11/2023 chuyển tiền hủy hợp đồng số 606 cho Nguyễn Hữu C số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng bà chuyển cho ông Nguyễn Hữu C số tiền 690.000.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi 190.000.000 đồng, từ ngày vay 07/02/2023 đến ngày trả 30/11/2023 là 09 tháng 24 ngày. Hợp đồng không tính lãi nên lãi theo quy định là 20%, tương đương tiền lãi là

81.666.665 đồng. Cụ thể: Tiền lãi của 09 tháng: 500.000.000 đồng x (20%/12 tháng) x 9 tháng = 74.999.999 đồng. Tiền lãi của 24 ngày: 500.000.000 đồng x (20%/12 tháng/30 ngày) x 24 = 6.666.666 đồng.

Bà M xác định trả lãi đã vượt quá mức tối đa theo quy định với số tiền 108.333.335 đồng. Nay bà M yêu cầu ông C trả lại cho bà số tiền 108.333.335 đồng bà chuyển lãi vượt mức.

Bị đơn - ông C trình bày: lời trình bày của bà M không đúng sự thật, ông C không biết bà Hoàng Thị Thúy N là ai, bà N có liên quan đến vụ án này là không đúng, thực tế bà M đã nhận của ông C là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Từ ngày 30-11-2023 ông C và bà M đã chốt tất cả, không còn nợ nần gì nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 216/2025/DS-ST, ngày 09-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc M về tranh chấp đòi tài sản với ông Nguyễn Hữu C;

Buộc ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Ngọc M số tiền 108.333.335 (một trăm lẻ tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi lăm) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2025, ông C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông C trình bày do bà M bệnh nặng nên ông C không đòi nợ hết số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông C nộp trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bà M trình bày bà có nhờ ông C vay 500.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, bà đã trả cho ông C tổng cộng 690.000.000 đồng, trong đó 500.000.000 đồng là tiền gốc, 190.000.000 đồng là tiền lãi. Căn cứ Giấy xác nhận nợ ngày 30/11/2023, ông C thừa nhận bà M đã trả tiền cho ông xong, hai bên chốt nợ ngày 30/11/2023.

Bà M khởi kiện cho rằng đã trả lãi nhiều hơn số tiền phải trả theo quy định. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp Đòi tài sản là không đúng, bởi lẽ: Số tiền bà M khởi kiện là tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tài sản giữa bà và ông C. Việc xem xét tiền lãi theo yêu cầu của bà M phải xem xét nội dung hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng vay tài sản. Do đó, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp nhưng áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án nên hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh quan hệ pháp luật tranh chấp mà không cần sửa Bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông C, thấy rằng: Ông C cho rằng bà M vay của ông số tiền 1.000.000.000 đồng, không phải 500.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm, ông C có nộp bản chụp giấy nhận tiền 1 tỷ đồng, không đồng ý nộp bản chính do sợ thất lạc nhưng Toà án cấp sơ thẩm không thu thập để đối chiếu, lại nhận định ông C không cung cấp chứng cứ chứng minh là chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại cấp phúc thẩm, ông C nộp bản chính giấy nhận tiền 1 tỷ đồng ngày 07-02-2023, có thêm nội dung tổng đã nhận 1 tỷ đồng. So với hình ảnh bà M chụp được thì không có nội dung này. Xét thấy, hai tài liệu có nội dung không giống nhau, tuy nhiên, tại bản xác nhận ngày 30/11/2023, ông C và bà M thống nhất thoả thuận số tiền bà M vay là 500.000.000 đồng và bà M đã trả xong, hai bên không còn nợ gì nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông C trình bày do bà M bệnh nặng nên ông C không đòi nợ hết số tiền 1 tỷ đồng là không phù hợp với thực tế. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn – ông C phải chịu theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Hữu C;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 216/2025/DS-ST, ngày 09-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh. Có điều chỉnh quan hệ pháp luật tranh chấp.

Căn cứ vào các 147, 148, 186, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 166, 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Hữu C;

Buộc ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Ngọc M số tiền 108.333.335 (một trăm lẻ tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc M không phải chịu, hoàn trả tạm ứng án phí bà M nộp 2.709.000 đồng theo biên lai số 0000305 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Tây Ninh.

Ông Nguyễn Hữu C phải chịu 5.416.666 (năm triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0008637 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa TAND tối cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 10 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GDKT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

Võ Thị Hồng Mai